

# BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI

PGS.TS. PHẠM DUY ĐỨC – THS. LÊ XUÂN KIỀU

*Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh*

**T**rong thời kỳ phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Đảng ta đã xác định nền văn hoá mà chúng ta tập trung xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hoá này phải tham gia tích cực vào sự nghiệp đổi mới đất nước vì mục tiêu xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Việc nghiên cứu các bài học kinh nghiệm phát triển văn hoá và con người của các nước Đông Á có vai trò to lớn để chúng ta tiếp thu tinh hoa văn hoá khu vực, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn đất nước. Sau đây là một số bài học được rút ra từ quá trình nghiên cứu này:

## I. BÀI HỌC VỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY VĂN HOÁ DÂN TỘC

### 1. Xác định di sản văn hoá như là tài sản văn hoá

Di sản văn hoá là bộ phận cơ bản và trọng yếu trong nền văn hoá của mỗi dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ

sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Trong quá trình toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, các quốc gia Đông Á đều phải xử lý mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống trước sự tác động mạnh mẽ của văn hoá phương Tây. Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc là những nước có nhiều thành công trong việc giải quyết mối quan hệ này.

Việt Nam và Nhật Bản là hai quốc gia có chung một hàng số cho lịch sử phát triển văn hoá dân tộc. Đó là nền văn minh lúa nước. Trước thế kỷ XIX, cả hai nước đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hoá Trung Hoa, cùng với Triều Tiên là những nước “đồng văn”. Trong lịch sử, khi tiếp xúc với văn minh phương Tây, mỗi nước lại chọn những giải pháp khác nhau, đưa đến cách ứng xử khác nhau đối với di sản văn hoá dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, bối cảnh thế giới đã có nhiều thay đổi, văn hoá các dân tộc có sự gắn gũi hơn trong một định hướng chung cho sự phát triển. Do vậy, mô hình bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc của Nhật Bản qua hơn một thế kỷ

mở cửa với phương Tây có nhiều bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo.

Khi tiến hành mở cửa với phương Tây, Nhật Bản vẫn là một quốc gia lạc hậu hàng thế kỷ so với các nước đã công nghiệp hoá. Với điều kiện như vậy, người Nhật đã huy động mọi tiềm năng sức mạnh dân tộc để phát triển đất nước. Những giá trị văn hoá truyền thống đã trở thành lực cố kết sức mạnh của toàn dân tộc cho mục tiêu hiện đại hoá đất nước. Di sản văn hoá đã được người Nhật quan niệm và đối xử như một tài sản đặc biệt quan trọng - tài sản văn hoá. Ở thời kỳ đầu, những thành tựu của văn minh phương Tây đã hấp dẫn người Nhật, khuynh hướng Tây hoá ô ạt đã làm cho không ít thành tựu văn hoá truyền thống bị mai một. Cũng trong giai đoạn này, Nhật Bản đã phá huỷ nhiều công trình kiến trúc lịch sử và chùa chiền liên quan đến Phật giáo và nghệ thuật truyền thống. Hiện tượng này chấm dứt khi đạo luật về bảo tồn di sản văn hoá ra đời năm 1897. Kể từ đây “các yếu tố bản địa được phục hồi với tất cả vẻ đẹp độc đáo của nó trong một định hướng giá trị mới, biểu tượng cho tinh hoa dân tộc”<sup>1</sup>. Đối với Nhật Bản, quan niệm di sản văn hoá là tài sản văn hoá không chỉ dừng lại ở nhận thức mà nó được cụ thể hoá trong những đạo luật, chính sách văn hoá, nổi bật nhất là Bộ luật bảo tồn các tài sản văn hoá được ban hành vào những năm 80 của thế kỷ trước. Bộ luật ra đời nhằm thực hiện bảo tồn di sản văn hoá trên cơ sở xác lập quyền sở hữu và bảo trợ của nhà nước.

Trong đó, Bộ luật quy định rõ, mọi tài sản văn hoá đều thuộc quyền sở hữu của các công dân, các cơ quan sự vụ, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ. Quyền sở hữu của chủ sở hữu đối với tài sản văn hoá bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt. Việc công nhận quyền của các chủ sở hữu được đảm bảo bằng một “Giấy chứng nhận” do Bộ trưởng Bộ Giáo dục cấp. Bộ luật cũng quy định rõ, chính phủ và các cấp chính quyền địa phương phải tôn trọng quyền của các chủ sở hữu và quyền sở hữu của những người hữu quan. Như vậy, từ một khái niệm triết học (di sản văn hoá), các vật thể mang các giá trị văn hoá được gọi là tài sản văn hoá (thuật ngữ luật học), có thể sở hữu. Khi di sản văn hoá được công nhận là tài sản văn hoá sẽ tạo nên chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động nhằm bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá. Bởi vì, việc bảo tồn và khai thác tài sản văn hoá chỉ có thực hiện tốt khi nó thuộc quyền sở hữu của một chủ thể cụ thể nào đó. Nếu chưa được pháp luật công nhận, các di sản đó luôn phải đứng trước nguy cơ bị thất thoát, mai một làm tổn hại đến vốn tài sản văn hoá dân tộc, một hiện tượng đã xảy ra phổ biến ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Không những được coi là tài sản văn hoá, di sản văn hoá còn được xác định là một thứ văn hoá đặc biệt, thuộc về những chủ sở hữu cụ thể nhưng giá trị của nó luôn là tài sản quốc gia. Khoản 2 điều 4 của Bộ luật quy định: các chủ sở hữu tài sản văn hoá cùng

những người hữu quan sẽ chịu trách nhiệm bảo quản chúng một cách tốt nhất và khai thác các giá trị văn hoá của chúng với một ý thức đầy đủ rằng: Đó là những tài sản quý báu của quốc gia”<sup>2</sup>

Vai trò của nhà nước ở đây rất quan trọng, nhà nước bảo trợ việc thực hiện các quyền trong quyền sở hữu. Chính phủ Nhật Bản nghiêm cấm việc bán các tài sản văn hoá ra nước ngoài dưới mọi hình thức. Nhà nước bỏ tiền mua lại các tài sản văn hoá quan trọng, trợ cấp một phần kinh phí và phương tiện kỹ thuật cho việc bảo tồn tài sản văn hoá thuộc tư nhân đối với các tài sản hữu hình. Nhà nước nắm giữ vai trò điều tiết hoạt động bảo tồn và khai thác tài sản văn hoá trong tổng thể các hoạt động chung của toàn xã hội. Do đó, các di sản văn hoá hữu hình được giữ gìn trong các dự án phát triển. Việc đảm bảo giữ nguyên cảnh quan trong đó di sản văn hoá được bảo vệ chỉ có thể tiến hành một cách hiệu quả dưới sự quản lý của nhà nước với vốn kinh phí đầu tư thích đáng, với sự hợp tác của các ngành, các tổ chức liên quan. Qua đó, các hoạt động bảo tồn văn hoá được tiến hành dưới một hành lang pháp lý. Các di sản văn hoá ở Nhật Bản được kiểm kê và bảo tồn hiệu quả, tránh được mọi mất mát, thất thoát và hư hại từ phía thiên nhiên và con người. Ở nước ta, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhiều ngôi nhà cổ, công trình kiến trúc, di sản văn hoá có nguy cơ bị thay thế bằng những ngôi nhà cao tầng, đường cao tốc chạy dài hay những cây cầu... trong các dự án phát

triển. Bài toán đặt ra cho Chính phủ Việt Nam là tìm ra được giải pháp thỏa đáng dung hòa giữa bảo tồn văn hóa và phát triển kinh tế, biến di sản văn hóa thành nguồn tài nguyên quý giá phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước. Kinh nghiệm của Nhật Bản về vai trò chủ đạo của nhà nước trong công tác bảo tồn và khai thác các di sản văn hoá là một bài học quý cho Việt Nam trong quá trình phát triển hiện nay.

Một bài học kinh nghiệm nữa của Nhật Bản trong việc bảo tồn, khai thác các di sản văn hoá là có một bộ máy hành chính có tính chuyên biệt và thống nhất cao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai, chỉ đạo và giám định thi hành pháp luật. Cục Văn hoá Nhật Bản là cơ quan duy nhất có chức năng pháp lý điều hành các hoạt động này từ Trung ương đến địa phương. Cơ quan này có chức năng “đẩy mạnh và phổ biến văn hoá, bảo tồn và sử dụng các tài sản văn hoá, cũng như thực hiện việc quản lý nhà nước liên quan đến tôn giáo với sự cộng tác của các cơ quan chính phủ hữu quan”<sup>3</sup>. Người đứng đầu cơ quan này có quyền tiến hành hoặc đình chỉ mọi hoạt động bảo tồn và khai thác di sản văn hoá trong trường hợp cần thiết, theo quy định của pháp luật. Nếu chính quyền các địa phương các cấp đứng ra tiến hành hoạt động bảo tồn và khai thác di sản văn hoá, phải được uỷ quyền của Cục Văn hoá. Ngân sách cho những hoạt động của Cục Văn hoá cũng không ngừng tăng theo các năm. Như vậy, với cách thức tổ chức như Cục Văn hoá và ngân sách dồi dào đã

giúp cho bộ máy điều hành triển khai các hoạt động bảo tồn và khai thác văn hoá một cách hiệu quả.

Ở Việt Nam, mặc dù đã có Luật Di sản Văn hoá nhưng trên thực tế, nhiều vấn đề "nóng" như lấn chiếm di tích, trộm cắp cổ vật hay thiếu một quy hoạch tổng thể để bảo tồn vẫn là những "bài toán khó" mà bao năm nay những nhà quản lý văn hoá vẫn chưa tìm được lời giải. Những bài học của Nhật Bản trên đây có thể là kinh nghiệm quý để các nhà quản lý văn hoá tham khảo, góp phần giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong công tác bảo tồn di sản văn hoá ở nước ta.

## **2. Khai thác các giá trị của văn hoá truyền thống trên cơ sở gắn với đời sống hiện đại**

Bảo tồn di sản văn hoá không chỉ là cất giữ cho khỏi mất tài sản, để giữ gìn bản sắc dân tộc hõặc tự ca ngợi mình. Bài học kinh nghiệm của Nhật Bản, Trung Quốc ở đây là chủ trương bảo tồn để phát triển. Khai thác các giá trị văn hoá truyền thống là làm cho sống lại, làm cho các giá trị đó tồn tại trong đời sống, phải năng động hoá các hình thức tồn tại của di sản văn hoá trên cơ sở thu hút sự quan tâm của các tầng lớp xã hội nhờ đó mà các giá trị được vận hành, thâm nhập vào cuộc sống hiện tại. Các nước này đã phát huy được tác dụng giáo dục của văn hoá truyền thống vì mục tiêu phát triển, làm cho nó giàu, cao và quý thêm. Những giá trị của di sản văn hoá thấm vào từng con người và toàn thể cộng đồng, trở thành động lực cho các quốc gia này cất cánh.

Để thực hiện mục tiêu này, Nhật Bản tiến hành rộng rãi sự hợp tác giữa chính phủ và các tổ chức phi chính phủ, giữa Trung ương và địa phương, giữa bộ máy hành chính nhà nước và nhân dân và giữa các thiết chế văn hoá hữu quan. Sự hợp tác với các tổ chức phi chính phủ (chủ yếu là tư nhân) làm tăng mạnh mẽ nguồn kinh phí cho các hoạt động khai thác di sản văn hoá. Các công ty tư nhân tăng lượng đầu tư cho lĩnh vực văn hoá để qua đó khuếch trương danh tiếng và quảng cáo cho thương hiệu của họ. Nhà nước cũng khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư bằng việc áp dụng chính sách miễn giảm thuế cho các công ty này.

Cùng với việc hợp tác như trên, hoạt động khai thác văn hoá truyền thống còn được mở rộng trên cơ sở hợp tác chặt chẽ giữa Trung ương và địa phương, giữa nhân dân và các cơ quan nhà nước. Tại các địa phương, các văn phòng hỗ trợ văn hoá vùng của chính phủ có chức năng phổ biến và đưa giá trị văn hoá thâm nhập vào cộng đồng nhân dân địa phương. Qua việc tổ chức các chương trình liên hoan văn hoá toàn quốc, lập các bảo tàng, hiện đại hoá các phương tiện thông tin đại chúng... các tài sản văn hoá tại các địa phương được "tái sinh" trong sự khẳng định giá trị của mình ngay trong đời sống hiện tại. Các hoạt động trên cũng đồng thời thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân, thông qua đó giúp họ tiếp nhận một cách tích cực, chủ động đối với các giá trị văn hoá truyền thống. Trong nhiều trường hợp, vai trò chủ thể tiến hành khai thác

tài sản văn hoá chuyển từ cơ quan nhà nước sang nhân dân. Sự hợp tác rộng rãi của các lực lượng toàn xã hội trong hoạt động khai thác tài sản văn hoá đã làm tăng lên mạnh mẽ sức sống của những giá trị truyền thống. Với các hình thức tồn tại khác nhau, được khai thác từ những mối quan tâm khác nhau, các tài sản văn hoá từ truyền thống hoá thân vào ngay trong hiện tại, trở thành một bộ phận quan trọng và gắn gũi với đời sống cộng đồng.

Ở Trung Quốc, bên cạnh việc hoàn thiện pháp chế về bảo vệ các di sản văn hóa lịch sử, thực hiện phân cấp bảo vệ văn vật, nhà nước yêu cầu các cấp chính quyền đưa việc bảo vệ văn vật vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vào quy hoạch xây dựng thành thị và nông thôn, vào ngân sách, vào cải cách thể chế... Đồng thời cũng nhấn mạnh nghĩa vụ bảo vệ của cộng đồng, huy động lực lượng của toàn xã hội tham gia công tác bảo vệ văn vật. Trong quá trình đẩy mạnh hội nhập thế giới, Trung Quốc đặc biệt chú trọng thúc đẩy việc bảo vệ di sản văn hóa thông qua giáo dục cộng đồng. Đề cương về chương trình: "Mỗi người đều có trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa của đất nước" do Bộ Văn hóa và Cục Di sản đã công bố từ năm 1989, được quán triệt và thực hiện trong cả nước. Các viện bảo tàng, nhà tưởng niệm và các cơ quan bảo vệ di sản văn hóa đã mở cửa đón công chúng và cung cấp nhiều chương trình về bảo vệ di sản văn hóa. Các phương tiện thông tin đại chúng thường xuyên đề cập nhiều tới tầm quan trọng và giá trị lịch sử, thẩm

mỹ và khoa học của di sản văn hóa Trung Quốc. Nhiều tờ báo lớn đã có chuyên mục về luật bảo vệ di sản văn hóa. Chính phủ Trung Quốc đã xác định: những tài sản văn hoá là do nhân dân tạo nên, chỉ khi nào bản thân tài sản ấy được nhân dân nhận thức đúng đắn, khi ấy nó mới có những giá trị đích thực. Đặc biệt từ sau khi gia nhập WTO, công tác bảo tồn, phát huy và quảng bá di sản văn hoá dân tộc của Trung Quốc càng được coi trọng. Trong Báo cáo Chính trị của Đại hội XVII, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã chỉ rõ, Trung Quốc sẽ đẩy mạnh bảo tồn văn hoá trong quá trình xây dựng một xã hội khá giả hài hoà trên tất cả các lĩnh vực. Có thể nói, đây là lần đầu tiên, vấn đề bảo tồn văn hoá được đưa vào một văn kiện chính trị quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chính phủ sẽ thúc đẩy bảo tồn văn hoá bằng cách tạo ra cấu trúc các ngành công nghiệp, cách thức tăng trưởng và phương thức tiêu dùng đặt cơ sở trên hiệu quả về năng lượng và tài nguyên, thân thiện với môi trường.

### **3. Bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc đi liền với mở rộng văn hoá ra thế giới**

Hiện đại hoá là tiền đề cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... Thông qua việc mở cửa với thế giới, các nước này đã "khai mở những tiềm năng giá trị truyền thống mà trước đó vẫn còn bị khép kín trong biên giới hạn hẹp của quốc gia và khu vực, trong sự độc tôn và đơn dạng về văn

hoá”<sup>4</sup>. Tất nhiên, mở cửa đem theo cả những tác động không thuận chiều đối với bảo tồn văn hoá truyền thống, nhưng không vì thế mà né tránh mà chấp nhận nó như một tiền đề thực tiễn khách quan. Từ chỗ mở cửa tiếp nhận các giá trị văn hoá từ các nền văn hoá khác, ngày nay các quốc gia này chủ trương bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của mình bằng cách tăng cường truyền bá các giá trị văn hoá đó ra toàn thế giới, trở thành tài sản văn hoá chung của toàn nhân loại.

Trung Quốc chú trọng mở rộng ảnh hưởng văn hóa của mình ra các nước và khu vực trên thế giới mà châu Phi là một ví dụ điển hình. Trung Quốc đã ký với các nước châu Phi các hiệp định văn hóa và dự án văn hóa. Trung Quốc cũng tổ chức hoạt động “Thực hành văn hóa Trung Quốc ở châu Phi”, cử nhiều đoàn nghệ thuật và nghệ nhân biểu diễn luân lượt ở các nước châu Phi, những hoạt động này đã nâng cao sức hấp dẫn về văn hóa của Trung Quốc ở châu Phi.

Chính sách trao đổi văn hoá của Nhật Bản tập trung chủ yếu vào đẩy mạnh văn hoá Nhật Bản bằng những hoạt động quản lý mà tạo ảnh hưởng ra thế giới. Nhật Bản gửi các nghệ sĩ của mình sang phương Tây để học hỏi trào lưu mới và tìm những nguồn cảm hứng mới. Mục tiêu chính của việc trao đổi văn hoá của Nhật Bản là nâng cao chất lượng (theo tiêu chuẩn quốc tế) của các hoạt động nghệ thuật Nhật Bản nhằm đạt được sự thừa nhận trong cộng đồng quốc tế. Nhật Bản còn gửi các nghệ sĩ

Kabuki và kịch Noh ra nước ngoài học tập, giới thiệu võ thuật Nhật Bản ra nước ngoài. Nhật Bản đã nỗ lực truyền bá các hoạt động nghệ thuật truyền thống của mình ra khắp thế giới, đầu tư nhiều tiền của cho nỗ lực đẩy mạnh các mối quan hệ trao đổi, hợp tác quốc tế về văn hoá. Đó là thực hiện các triển lãm tài sản văn hoá Nhật Bản tại nước ngoài, tổ chức các liên hoan mời các đoàn nghệ thuật dân gian từ các nước đến biểu diễn cùng với các nhóm nhạc dân gian Nhật Bản. Qua đó, những giá trị văn hoá truyền thống của Nhật Bản được truyền bá rộng rãi ra khắp thế giới, trở thành tài sản chung của văn hoá nhân loại. Trong số các nước châu Á, Nhật Bản có lẽ là nước đã thành công nhất trong việc “xuất khẩu” các hình ảnh văn hóa mang tính thương hiệu, mà mỗi khi nó xuất hiện, lập tức khiến người ta nghĩ ngay đến nền văn hóa Nhật. Đó là các biểu tượng mang tính truyền thống như hoa anh đào, trà đạo, các môn võ thuật Sumo, Judo, Karate, Kendo...

## II. BÀI HỌC VỀ TIẾP THU TINH HOA VĂN HOÁ NHÂN LOẠI

### 1. Nâng cao tính chủ động trong việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại của một số nước Đông Á

Lịch sử phát triển của các quốc gia Đông Á cho thấy giao lưu quốc tế là nhu cầu sinh tồn và động lực thúc đẩy cho sự phát triển đất nước. Trong quá trình giao lưu văn hóa với nước ngoài, một số nước Đông Á đã chủ động mở cửa học tập

tin hoa văn hóa nước ngoài, nhất là đối với phương Tây để tạo động lực cho phát triển. Nhìn chung, nền văn hóa của các nước Đông Á trước khi tiếp xúc với phương Tây đều là nền văn hóa tiên công nghiệp. Các nền văn hóa này bước vào thời kỳ phát triển công nghiệp hóa và kinh tế thị trường thì việc học tập kinh nghiệm phương Tây là vô cùng cần thiết. Trong việc học tập kinh nghiệm quốc tế, đối với các nước Đông Á, vấn đề quan trọng nhất là phát triển tư duy khoa học và nâng cao trình độ khoa học công nghệ để thúc đẩy sản xuất hàng hóa và phát triển thị trường, hội nhập quốc tế. Nhật Bản là nước sớm nhận ra các giá trị tích cực của văn hóa phương Tây, chủ động đưa người đi học ở các nước châu Âu và Mỹ, chủ động tiếp nhận thành tựu khoa học, kỹ thuật để hiện đại hóa văn hóa Nhật Bản. Sự lựa chọn các giải pháp thực hiện cũng như những kinh nghiệm mà Nhật Bản đã trải qua trong cách mạng Minh Trị duy tân là những bài học bổ ích cho các dân tộc đang phát triển tham khảo. Với khẩu hiệu “Học tập, đuổi kịp và vượt phương Tây” hệ thống giáo dục theo mô hình phương Tây đã được chính phủ Nhật Bản thời kỳ đó rất quan tâm. Những hoạt động quan hệ quốc tế như gửi sinh viên ra nước ngoài học tập và thành lập các đoàn khảo sát gồm các thành viên cao cấp chính phủ trong các bộ ngành ra nước ngoài “lưu học” ngắn hạn cũng được đẩy mạnh. Mục đích chủ yếu là quan sát học hỏi những tri thức mới trong việc điều hành nhà nước, tổ chức xây dựng

kinh tế, thực hiện chính sách giáo dục cũng như đào tạo, xây dựng quân đội vv... Ngoài ra, chính phủ còn mời các chuyên gia nước ngoài sang Nhật Bản giảng dạy những chuyên ngành mà Nhật Bản còn thiếu và yếu. Đặc biệt, thời kỳ này chính phủ Nhật rất chú ý đến học tập ngoại ngữ và khuyến khích các sinh viên có khả năng ra nước ngoài để đào tạo và thu nhận các thông tin cần thiết. Nhờ chủ động tích cực mở rộng giao lưu quốc tế, trong giai đoạn học tập phương Tây, Nhật Bản đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong kinh tế cũng như trong văn hóa giáo dục. Vào thế kỷ 16 - 17, Nhật Bản được đánh giá là một quốc gia phương Đông đã nhanh chóng tiếp thu và ứng dụng khoa học kỹ thuật mới của phương Tây vào phát triển đất nước trong các lĩnh vực như thiên văn, hàng hải, bản đồ, khai khoáng, luyện kim và cơ học vv... Từ một nước phong kiến quân chủ, Nhật Bản đã tiến nhanh trên con đường phát triển chủ nghĩa tư bản hiện đại, đưa nước Nhật vươn lên vị trí hàng đầu về kinh tế và phát triển xã hội văn minh .

Từ kinh nghiệm của Nhật Bản có thể thấy rằng tính chủ động trong tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới được thể hiện tập trung ở cấp Nhà nước và có tính chất vĩ mô gắn với các chính sách học tập và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới. Bên cạnh đó, quá trình thảo luận, hoạch định và thực hiện chính sách không chỉ là công việc của riêng các quan chức thuộc chính phủ trung ương hoặc của chỉ riêng một giới nào, mà còn có sự cộng tác chặt

chế và sự tham gia rộng rãi của các chính quyền địa phương, các nhóm lợi ích như giới kinh doanh, công đoàn - đại diện cho giới lao động, giới học thuật, giới báo chí - đại diện cho dư luận xã hội. Nhờ sự cộng tác và tham gia của các bên hữu quan như vậy nên họ hiểu rõ được nhu cầu và tiềm năng của nhau và nhờ đó các chính sách được đề ra một cách phù hợp nhất và có tính đến nhu cầu của các bên cũng như yêu cầu của thị trường và xu hướng phát triển của đất nước. Sự tham gia này được thể hiện rộng rãi không chỉ bằng cách đóng góp ý kiến trực tiếp cho các cơ quan hoạch định chính sách, mà còn bằng các ý kiến trên các phương tiện thông tin đại chúng, các hội thảo, và sự tham gia của các Hội đồng tư vấn các cấp. Đồng thời, do các bên có liên quan đã thông hiểu lẫn nhau, thông hiểu những chính sách mà họ đã cùng nhau đề ra, nên trong quá trình thực hiện, họ sẽ hợp tác chặt chẽ, ủng hộ lẫn nhau và cùng tham gia tích cực, khiến cho các chính sách đề ra thường được thực hiện một cách khá trôi chảy và dễ đi đến thành công. Thực tế phát triển nói chung, phát triển văn hoá nói riêng của Nhật Bản cho thấy những chính sách này đã tác động sâu rộng và mạnh mẽ đến việc thay đổi cấu trúc chung của nền văn hóa dân tộc, chuyển nền văn hóa tiền công nghiệp sang phát triển văn hóa công nghiệp và thị trường. Vì vậy, kinh nghiệm của Nhật là “tinh thần Nhật Bản, kỹ thuật Phương Tây” đã được Trung Quốc, Hàn Quốc và nhiều nước Đông Á khác áp dụng đã đem lại những hiệu quả tích cực.

## 2. Tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới một cách chọn lọc, chống rập khuôn, máy móc

Các nước Đông Á đều có một truyền thống văn hóa lâu đời tạo nên bản sắc riêng, cốt cách riêng làm nên sức mạnh của dân tộc. Trong quá trình mở cửa giao lưu văn hóa với bên ngoài, các nước Đông Á luôn luôn có ý thức khẳng định bản sắc và bản lĩnh của cộng đồng dân tộc, tiếp nhận có chọn lọc một cách sáng tạo những thành tựu văn hóa từ bên ngoài, khắc phục tâm lý bị động và chống xu hướng tiếp nhận một cách xô bồ những sản phẩm văn hóa và những giá trị văn hóa từ bên ngoài. Xem xét lịch sử phát triển văn hoá của các quốc gia Đông Á, một lần nữa quá trình giao lưu văn hoá của Nhật Bản với Trung Quốc thời cổ đại lại nổi lên như một bài học kinh nghiệm quý giá đặc biệt đối với Việt Nam. Tại sao một nước nhỏ bé và lạc hậu như Nhật Bản vào thời cổ đại lại có khả năng tiếp nhận một nền văn hóa mạnh hơn mà không làm mất cân bằng hay gây ảnh hưởng đến tính cách riêng của văn hóa dân tộc. Có thể nói, Nhật Bản đã thể hiện một cách xuất sắc trong việc thực hiện quá trình chọn lọc, thể nghiệm, thích ứng và đồng hóa trong tiếp thu tinh hoa văn hoá Trung Hoa. Chẳng hạn , đối với văn hóa Trung Hoa, sau khi du nhập một cách ồ ạt, họ đã sắp xếp, lựa chọn những yếu tố mới, thể nghiệm và đồng hóa khéo léo sao cho phù hợp với phong tục tập quán dân tộc và biến nó trở thành một bộ phận hữu cơ trong nền văn hóa của mình. Nhật Bản



đã biết tận dụng một cách triệt để các yếu tố tiến bộ của văn hóa Trung Hoa, “Nhật Bản hóa” nó và tạo ra một phong cách riêng mang bản sắc dân tộc độc đáo. Kết quả bước đầu giao lưu với Trung Quốc, Nhật Bản đã thu nhận được nhiều thành tựu to lớn về các mặt kinh tế cũng như văn hóa. Trong đó văn hóa tôn giáo đã đóng góp to lớn làm thay đổi xã hội Nhật Bản. Phật giáo, ngoài việc đem lại lợi ích về giá trị tinh thần trong đời sống tâm linh, còn kích thích việc học hành, mở rộng cảm thụ nghệ thuật cho dân tộc Nhật Bản, kích thích sự phát triển kinh tế như sản xuất đồ thủ công, xây dựng nhà cửa, làm đường sá và phát triển nông nghiệp. Với Khổng giáo, tầng lớp thống trị đã vận dụng các giáo lý của đạo này vào công việc trị quốc, giáo dục gia đình và quản lý xã hội. Như vậy mục đích của giao lưu với văn hóa nước ngoài của Nhật Bản ở giai đoạn đầu là tiếp thu những kiến thức mới trong các lĩnh vực để có thêm kinh nghiệm xây dựng văn hóa của mình, làm cho nó ngày càng tiến bộ và phong phú cả về vật chất lẫn tinh thần. Văn hóa tôn giáo là một trong những lĩnh vực nổi bật nhất về sự tiến bộ. Đặc biệt trong nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và hội họa có nhiều thành tựu đáng kể như quần thể kiến trúc cố đô Nara được mô phỏng theo kinh đô Tràng An thời nhà Đường Trung Quốc hay chùa Horyuji, Todaiji, kinh đô Kyoto với các chùa chiền Phật giáo cũng như Thần đạo là những điển hình.

Ngoài những giá trị văn hóa tinh thần cũng như vật chất do văn hóa Phật

giáo đưa lại, du nhập chữ Hán còn là một sự kiện quan trọng trong đời sống văn hóa của Nhật Bản. Khi chưa có chữ viết riêng, để chuyển tải những tri thức học hỏi được của Trung Quốc vào việc xây dựng văn hóa đất nước, Nhật Bản đã phải mượn chữ Hán. Trong quá trình vay mượn, sử dụng, dựa vào nền tảng chữ Hán, người Nhật đã sáng tạo ra chữ viết riêng cho dân tộc mình. Đó là hệ thống chữ Kana ngày nay người Nhật đang sử dụng. Nhờ có chữ viết, văn học Nhật có cơ hội phát triển, nhiều tác phẩm thơ ca, lịch sử và phong tục tập quán dân tộc đã được ghi lại. Những tác phẩm văn học kiệt xuất đại diện cho văn học Nhật đã ra đời được thế giới đánh giá cao. Theo dõi tiến trình lịch sử, gần bốn thế kỷ đầu tiên, Nhật Bản chủ yếu là vay mượn cũng như bắt chước Trung Hoa. Nhưng trong quá trình vận động độc lập, dần dần tách rời các yếu tố Trung Hoa bắt đầu phát triển theo cách của mình và ngày càng tiến bộ về mọi mặt. Có thể nói, từ một nền văn hóa chưa có gì đáng kể, nhờ tinh thần ham học hỏi, tích cực tiếp thu văn hóa nước ngoài, vận dụng nó theo hoàn cảnh của mình, văn hóa Nhật đã có những bước phát triển tiến bộ. Sau một thời gian dài chủ động học hỏi Trung Quốc, đạt được nhiều tiến bộ về mọi mặt, Nhật Bản lại hướng về phương Tây tiếp tục tìm kiếm những tri thức mới. Có thể nói, nhờ vị trí địa lý quốc đảo, cũng như sự thuần nhất dân tộc, tầng lớp lãnh đạo đã thực hiện việc đồng hóa và chỉnh lý các ảnh hưởng của văn hóa ngoại nhập một cách thuận lợi. Sau khi tiếp tục “mở cửa” nước Nhật

vào thế kỷ XIX, người Nhật không dùng biện pháp “mạnh” để chống lại sự “tiến công” của các nền văn hóa từ bên ngoài. Bởi họ đã xây dựng được một nền văn hóa có đầy đủ bản lĩnh bảo vệ mình trước bất kỳ sự “xâm nhập” nào của những nền văn hóa khác. Và cũng vì luôn có khuynh hướng đồng hóa các yếu tố ngoại lai nên Nhật Bản không thực hiện chính sách “bài trừ” như một số nước khác trong khu vực đã làm vì sự sinh tồn của văn hóa nước họ. Theo dõi tiến trình phát triển của văn hóa Nhật, điều dễ nhận thấy là người Nhật luôn cố gắng tìm kiếm và học hỏi những điều cần thiết cho mình trong từng giai đoạn cụ thể. Mỗi một yếu tố của nền văn hóa nước ngoài đều được tiếp thu theo phương thức làm sao có thể vận dụng nó vào hoàn cảnh Nhật Bản. Nói cách khác là sự chuyển hóa văn hóa nước ngoài làm cho nó thích hợp với các nhu cầu của xã hội của mình là một đặc điểm trong tính cách của văn hóa Nhật. Trải qua gần hai mươi thế kỷ, với bề dày lịch sử có thể khẳng định bản sắc dân tộc độc đáo của văn hóa Nhật. Đó là nền văn hóa tồn tại và phát triển, những mặt ổn định tạo nên truyền thống nhưng luôn rộng mở đón nhận những giá trị mới của văn hóa các dân tộc khác.

Bên cạnh kinh nghiệm của Nhật Bản, những biện pháp mà chính phủ Trung Quốc thực hiện trong thời gian gần đây nhằm tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới có chọn lọc cũng là kinh nghiệm để chúng ta tham khảo. Trong quá trình học tập văn hóa nước ngoài, Trung Quốc

đã chấp nhận một nguyên tắc theo thuyết duy thực, đó là học tập văn hóa nước ngoài chỉ là một cách thức để thực hiện xây dựng một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa với các đặc trưng của đất nước Trung Quốc. Vào năm 1996, Trung Quốc đã ký 137 thỏa thuận hợp tác văn hóa với hơn 100 quốc gia trên thế giới. Trung Quốc chú trọng vào nội dung và chất lượng của việc xuất nhập khẩu trong trao đổi văn hóa, “giữ vững quyền tự quyết và lựa chọn các tác phẩm ưu tú và thiết thực”. Điều này thể hiện ở ba yêu cầu cơ bản sau:

*Thứ nhất* là nhập khẩu và xuất khẩu phải theo nhu cầu của công cuộc xây dựng văn hóa và kinh tế trong nước.

*Thứ hai* là tập trung vào nâng cao tầm hiểu biết của công chúng Trung Quốc

*Thứ ba* là phải đảm bảo trình độ và cấp độ của tất cả các trao đổi

### **3. Chú trọng đến việc phát huy lợi thế so sánh của mình để tạo nên sự phát triển đa dạng của nền văn hóa dân tộc**

Xuất phát từ nhu cầu phát triển văn hóa dân tộc để tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới để tăng cường sức sống, sức sáng tạo của văn hóa dân tộc là hai mặt của một quá trình phát triển. Mỗi quốc gia đều có lợi thế so sánh trong việc tiếp cận và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới. Việc phân tích và đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với mỗi nền văn hóa, tìm ra lợi thế cạnh tranh trong học tập nước ngoài đã làm cho một số nước Đông Á vượt lên rất nhanh trên con

đường hiện đại hóa. Ở đây, sự vượt qua mặc cảm về chính trị trong quá khứ để mở cửa giao lưu về văn hóa cũng đóng một vai trò quan trọng. Hàn Quốc kể từ khi giải phóng năm 1945 đã phục hồi lại bản sắc riêng bằng cách loại bỏ tàn tích của chủ nghĩa thực dân Nhật, nghiêm cấm việc biểu diễn hoặc trưng bày văn hóa và nghệ thuật Nhật Bản tại Hàn Quốc. Chính sách đóng cửa với văn hóa và nghệ thuật Nhật Bản xuất phát từ thái độ tiêu cực đối với nước Nhật nói chung do sự chiếm đóng của Nhật trước đây. Nhưng sau đó, chính phủ Hàn Quốc thời Tổng thống Kim Dae Jung bắt đầu nhìn nhận văn hóa Nhật Bản một cách tích cực hơn và tuyên bố rằng việc giao lưu văn hóa với các nước khác, bao gồm cả Nhật, là cần thiết cho sự phát triển của văn hóa quốc gia và quá trình toàn cầu hóa của văn hóa quốc gia (1998). Sự thay đổi trong chính sách văn hóa này đã tạo nên sự kích thích mới để văn hóa Hàn Quốc phát triển mạnh mẽ hơn trong thời kỳ toàn cầu hóa.

#### **4. Coi trọng việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chống xu hướng áp đặt văn hóa từ bên ngoài**

Cùng với quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế, vấn đề tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa phải gắn liền với việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Việc gìn giữ các giá trị văn hóa dân tộc là một nhiệm vụ tất yếu của bất cứ chính phủ và người dân nào của quốc gia đang tiến hành hội nhập quốc tế bởi nếu không giữ được bản sắc thì quốc gia đó cũng không thể tiếp

tục hội nhập được hoặc quá trình hội nhập cũng chẳng đem đến kết quả khả quan như đất nước mong đợi. Hơn thế, trong nhiều trường hợp, khả năng gìn giữ các giá trị truyền thống còn là thước đo tính bền vững của một chính phủ. Mối quan hệ biện chứng giữa kế thừa, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại được thể hiện đa dạng, gắn liền với hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia ở Đông Á.

Đề cương Quy hoạch phát triển văn hóa của Trung Quốc thời kỳ “5 năm lần thứ 11” nhấn mạnh phương châm “Kiên trì kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc ưu tú, thu hút và học tập những thành quả văn hóa ưu tú của các nước trên thế giới” để xây dựng nền văn hóa XHCN đặc sắc Trung Quốc. Trong quá trình tiếp thu các nền văn hoá khác, Trung Quốc luôn chú ý đến bản sắc văn hoá của dân tộc mình. Điều này khiến cho quá trình tiếp biến có thể chậm, nhưng văn hoá dân tộc không bao giờ bị đứt gãy. Các giá trị truyền thống luôn có cơ hội để thích hợp với những giá trị mới, qua đó tự làm phong phú cho chính mình. Đồng thời, Trung Quốc cũng đóng góp vào di sản văn hoá chung toàn nhân loại. Bài học của Trung Quốc là phải tiếp biến để đổi mới, nhưng không được mất bản sắc của chính mình, không thể để đứt gãy trong các giá trị truyền thống dân tộc.

Chính sách văn hóa của Nhật Bản luôn luôn nhấn mạnh đến việc ưu tiên tìm tòi và phát huy giá trị văn hóa cổ truyền của Nhật Bản. Cuộc cải cách

Mình Trị đã thể hiện tinh thần độc đáo của người Nhật Bản. Họ ra sức học tập phương Tây về chính trị, kinh tế, văn hoá... như tiếp thu chế độ quân chủ lập hiến phương Tây, xây dựng chế độ công nghiệp kiểu phương Tây, truyền bá chủ nghĩa cá nhân phương Tây... nhưng vẫn giữ gìn những giá trị truyền thống của dân tộc. Nhật Bản duy trì Thiên Hoàng như một biểu tượng cho quyền uy, họ không đánh mất quan hệ gia đình cô truyền, chủ nghĩa cộng đồng ở phương Đông. Sự tiếp thu dựa trên dung hợp văn hoá giữa cái nội sinh bản địa với cái ngoại sinh đã tạo ra một văn hoá mới vừa khác với cái ngoại nhập, vừa cao hơn cái vốn có.

Xây dựng bản sắc văn hóa là một mục tiêu quan trọng của chính sách văn hóa Hàn Quốc. Từ năm 1990, chính phủ của Tổng thống Roh Tae Woo (1988-1993) đã xây dựng “Kế hoạch 10 năm phát triển văn hóa”. Các mục tiêu của kế hoạch là

- (1) Xây dựng bản sắc văn hóa
  - (2) củng cố sự phát triển của nghệ thuật
  - (3) Tăng cường trợ cấp văn hóa
  - (4) Thúc đẩy văn hóa khu vực
  - (5) Thuận lợi hóa giao lưu văn hóa
  - (6) Phát triển tuyên truyền văn hóa
- và cuối cùng: thống nhất dân tộc.

Mối quan tâm hàng đầu trong chính sách xây dựng bản sắc văn hóa Hàn Quốc thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Biện pháp để phục hồi lại bản sắc văn hoá đã bị mai một trong thời kỳ thực dân Nhật Bản chiếm đóng và sự chia cắt dân tộc là gì?

- Biện pháp và chính sách nào là phù hợp để xây dựng bản sắc văn hóa, giảm bớt những mặt tiêu cực của văn hóa nước ngoài, cụ thể là văn hóa phương Tây?

- Biện pháp và chính sách nào được áp dụng để đương đầu với quá trình toàn cầu hóa đang ngày càng mạnh mẽ?

Việc xây dựng bản sắc văn hóa với tư cách là mục tiêu của chính sách văn hóa đã tạo thành một nền tảng quan trọng trong luật pháp về văn hóa của Hàn Quốc

Vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đã được Thái Lan đặc biệt quan tâm trong chính sách văn hóa. Chính sách văn hóa quốc gia Thái Lan được công bố năm 1981 ghi rõ: “Nhà nước thúc đẩy và bảo tồn văn hóa quốc gia” Một trong những nội dung cốt lõi của chính sách văn hóa này là thúc đẩy văn hóa truyền thống trong nước và văn hóa truyền thống của các dân tộc, hình thành sự hòa hợp dân tộc, làm cho cộng đồng dân tộc đa dạng trở thành một thể thống nhất trong hòa bình.

Những bài học kinh nghiệm nêu trên của các nước Đông Á sẽ giúp ích cho quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ toàn cầu hóa hiện nay.

#### CHÚ THÍCH:

<sup>1</sup> Hoàng Vinh: *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc*. Nxb Chính trị quốc gia, H.1997, tr127

<sup>2</sup> Sdd, tr 133

<sup>3</sup> Sdd, tr 131

<sup>4</sup> Sdd, tr 128